ranh giới đất lâm nghiệp trong cả nước và ở từng địa phương để có kế hoạch phân cấp trách nhiệm quản lý rừng, đất trồng rừng và tổ chức việc giao rừng, đất trồng rừng cho các tổ chức, cá nhân quản lý, kinh doanh theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước.

Điều 21. -Bộ Lâm nghiệp và các Bộ, ngành hữu quan ra thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định này. Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện ở địa phương mình Luật Bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản pháp luật khác của Nhà nước về rừng.

Điều 22. -Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
PHAN VĂN KHẢI.

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 18 - HĐBT ngày 17-1-1992 quy định danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm và chế độ quản lý, bảo vệ.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Điều 19 của Luật bảo vệ và phát triển rừng ngày 19 tháng 8 năm 1991;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp,

NGHỊ ĐỊNH:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm quy định trong Nghị định này gồm những loại có giá trị đặc biệt về khoa học, kinh tế và môi trường, có số lượng, trữ lượng ít hoặc đang có nguy cơ bị diệt chủng.

Thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm được sắp xếp thành hai nhóm theo tính chất và mức độ quý, hiếm của chúng (có danh mục kèm theo):

Nhóm I: Gồm những loại thực vật (IA) và những loài động vật (IB) đặc hữu, có giá trị đặc biệt về khoa học và kinh tế, có số lượng, trữ lượng rất ít hoặc đang có nguy cơ bị diệt chủng.

Nhóm II: Gồm những loại thực vật (IIA) và những loài động vật (IIB) có giá trị kinh tế cao đang bị khai thác quá mức, dẫn đến cạn kiệt và có nguy cơ diệt chủng.

Điều 2.- Hội đồng Bộ trưởng thống nhất quản lý thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm trong phạm vi cả nước. Bộ Lâm nghiệp chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bộ trưởng thực hiện việc thống nhất quản lý này.

Ủy ban Nhân dân các cấp chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ thực vật rừng, động vật quý, hiếm trong phạm vi địa phương mình theo luật pháp, chính sách, chế độ, thể lệ của Nhà nước.

Điều 3.-Nhà nước nghiêm cấm việc khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm thuộc Nhóm I. Hạn chế việc khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm thuộc Nhóm II.

Các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang và mọi công dân có nghĩa vụ bảo vệ và phát triển thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm.

Điều 4.-Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ và bảo đảm quyền lợi cho các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, phát triển nguồn lợi thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm.

II. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, BẢO VỆ THỰC VẬT RỪNG ĐỘNG VẬT QUÝ, HIẾM.

Điều 5.- Mọi diện tích rừng trong cả nước có thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

đều được xác định cụ thể trên bản đồ và trên thực địa.

Những vùng, những khu rừng tập trung nhiều thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm (cả số lượng, trữ lượng) cần được khoanh giữ, tổ chức việc quản lý, bảo vệ chặt chẽ, có nội quy và bảng niêm yết bảo vệ.

Điều 6.- Cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp các cấp phải lập phương án, kế hoạch, tổ chức điều tra, theo dõi nắm tình hình diễn biến về số lượng, trữ lượng từng loại cây, con vật quý, hiếm; tổ chức nghiên cứu và hướng dẫn, chỉ đạo chủ rừng thực hiện việc quản lý, bảo vệ, gây nuôi, phát triển nguồn lợi này; có bản đồ, sổ sách theo dõi cụ thể, chặt chẽ; tổ chức quản lý, bảo vệ những diện tích rừng có thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý.

Điều 7.- Mọi tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động sản xuất, xây dựng công trình, điều tra, thăm dò, nghiên cứu, tham quan du lịch và các hoạt động khác trong khu rừng có thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm đã được khoanh giữ, bảo vệ, phải chấp hành nội quy bảo vệ của khu rừng đó. Nghiêm cấm chặt phá, săn bắt hoặc làm hại môi trường sống của thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm.

Điều 8.-Việc khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm được quy định như sau:

1. Đối với nhóm I, nghiêm cấm khai thác, sử dụng. Trong trường hợp đặc biệt cần sử dụng cây, con vật sống, sản phẩm của cây, con vật và hạt giống phục vụ nghiên cứu khoa học hoặc yêu cầu về quan hệ và hợp tác quốc tế, phải được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp.

2. Đối với nhóm II, hạn chế khai thác, sử dụng cụ thể là:

a) Cây lấy gỗ: chỉ được phép khai thác với mức độ hạn chế về chủng loại, số lượng, khu vực và phải được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng duyệt chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp cấp giấy phép; khi khai thác, phải chấp hành đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật của Bộ Lâm nghiệp.

Những loại gỗ này chỉ được sử dụng để xây dựng các công trình đặc biệt của Nhà nước, chế biến hàng mỹ nghệ, đồ mộc cao cấp phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Cấm xuất khẩu gỗ tròn và gỗ sơ chế.

b) Các loại cây mọc tự nhiên khác: Việc khai thác phải theo kế hoạch hàng năm và được cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp cấp tỉnh cho phép. Khi khai thác, phải chấp hành đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật của Bộ Lâm nghiệp và chịu sự hướng dẫn, kiểm tra của chủ rừng.

c) Đối với động vật rừng sống hoang dã: chỉ được bẫy bắt trong trường hợp thật cần thiết như tạo giống gây nuôi, phục vụ nghiên cứu khoa học; trao đổi quốc tế về giống hoặc phục vụ những yêu cầu cần thiết khác nhưng phải được Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp cho phép.

Điều 9.-Việc khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm do tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn nuôi trồng được quy định như sau:

a) Đối với thực vật rừng, được khai thác, sử dụng và tiêu thụ sản phẩm.

b) Đối với động vật rừng thuộc nhóm I, chỉ được sử dụng chúng với mục đích gây nuôi phát triển.

c) Đối với động vật rừng thuộc nhóm II, ngoài mục đích sử dụng gây nuôi làm giống, được sử dụng động vật sống từ thế hệ hai trở đi.

Mọi trường hợp khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm quy định tại Điều này, chủ sở hữu phải báo cho cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp địa phương biết để kiểm tra, xác nhận.

Điều 10.- Trong trường hợp thú rừng phá hoại sản xuất hoặc đe dọa tính mạng con người thì được xua đuổi. Việc áp dụng biện pháp phòng vệ chính đáng chỉ áp dụng khi xua đuổi không có hiệu quả và uy hiếp trực tiếp tính mạng con người.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 11.-

1. Trách nhiệm của chủ rừng:

- Tổ chức khoanh giữ các diện tích rừng có thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm;

- Lập bản đồ, sổ sách theo dõi số lượng, trữ lượng và sự diễn biến của từng loại thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm trên diện tích rừng được giao;

- Xây dựng nội quy, lập bảng niêm yết bảo vệ đối với từng khu rừng và từng cây cá biệt;

- Xây dựng và thực hiện phương án, kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi này trên diện tích rừng và đất trồng rừng được giao;

Kịp thời báo cáo với cơ quan chính quyền hoặc cơ quan quản lý Nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương về diễn biến tình hình thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm trên diện tích rừng, đất trồng rừng được giao.

2. Quyền của chủ rừng trong việc khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm trên diện tích rừng, đất trồng rừng được giao cũng như việc đối phó khi thú rừng phá hoại sản xuất hoặc đe dọa đến tính mạng con người được áp dụng theo quy định tại Điều 9,10 và 11 của Nghị định này. Khi chủ rừng khai thác, sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm quy định tại Điều 9 của Nghị định này, được miễn thuế tài nguyên.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12.- Bộ Lâm nghiệp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này đối với các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong phạm vi cả nước; phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng và ban hành các quy trình, quy phạm kỹ thuật khai thác, sử dụng đối với từng loại thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm; kiến nghị với Hội đồng Bộ trưởng bổ sung, sửa đổi danh mục và chế độ quản lý, bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm; định kỳ báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tình hình bảo tồn và phát triển nguồn lợi này.

Điều 13.- Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này trong phạm vi địa phương mình theo chỉ đạo chung của Bộ Lâm nghiệp.

Điều 14.- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây về quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm đều bãi bỏ.

T/M Hội Đồng Bộ Trưởng

K.T Chủ Tịch

Phó Chủ Tịch

PHAN VĂN KHẢI

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09652740

DANH MỤC
THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG QUÝ, HIẾM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 18-HĐBT ngày 17 - 1 - 1992 của Hội đồng Bộ trưởng)

NHÓM I

IA - Thực vật rừng:

Số TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Ghi chú
1	2	3	4
1	Bách xanh	Calocedrus macrolepis	
2	Thông đỏ	Taxus chinensis	
3	Phỉ 3 mũi	Cephalotaxus fortunei	
4	Thông tre	Podocarpus neriifolius	
5	Thông Pà cò	Pinus kwangtugensis	
6	Thông Đà Lạt	Pinus dalatensis	
7	Thông nước	Glyptostrobus pensilis	
8	Hinh đá vôi	Keteleeria calcarea	
9	Sam bông	Amentotaxus argotenia	
10	Sam lạnh	Abies nukiangensis	
11	Trầm (gió bầu)	Aquilaria crassna	
12	Hoàng đàn	Copressus torulosa	
13	Thông 2 lá dẹt	Ducampopinus krempfii	

IB - Động vật rừng:

1	Tê giác 1 sừng	Rhinoceros Sondaicus	
2	Bò tót	Bos gaurus	
3	Bò xám	Bos sauveli	
4	Bò rừng	Bos bangteng	
5	Trâu rừng	Bubalus bubalis	
6	Voi	Elephas maximus	
7	Cà tong	Cervus eldi	
8	Hươu vàng	Cervus porcirus	
9	Hươu sạ	Moschus moschiferus	
10	Hổ.	Panthera tigris	
11	Báo hoa mai	Panthera pardus	
12	Báo Gấm	Neofelis nebulosa	
13	Gấu chó	Helarctos malayanus	
14	Voọc xám	Trachipithecus phayrei	
15	Voọc mũi hếch	Rhinopithecus avunculus	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09652740

1	2	3	4
16	Voọc ngũ sắc:		
	- Voọc ngũ sắc Trung bộ	Pygathrix nemaeus	
	- Voọc ngũ sắc Nam bộ	Pygathrix nigripes	
17	Voọc đen:		
	- Voọc đen má trắng	Presbytis francoisi francoisi	
	- Voọc đầu trắng	Presbytis francoisi poliocephalus	
	- Voọc mông trắng	Presbytis francoisi delacouri	
	- Voọc Hà Tĩnh	Presbytis francoisi hatinensis	
	- Voọc đen Tây Bắc	Presbytis francoisi ap	
18	Vượn đen:		
	- Vượn đen	Hylobates concolor concolor	
	- Vượn đen má trắng	Hylobates concolor leucogensis	
	- Vượn tay trắng	Hylobatas lar	
	- Vượn đen má trắng Nam Bộ	Hylobates concolor gabrienlae	
19	Chồn mực	Arctictis binturong	
20	Cầy vằn	Chrotogale owstoni	
21	Cầy gấm	Prionodon pardicolor	
22	Chồi dơi	Galeopithecus temminski	
23	Cầy vàng	Martes flavigula	
24	Culi lùa	Nycticebus pigmaeus	
25	Sóc bay:		
	- Sóc bay sao	Petaurista elegans	
	- Sóc bay trâu	Petaurista lylei	
26	Sóc bay:		
	Sóc bay nhỏ	Belomys	
	- Sóc bay lông tai	Belomys pearsoni	
27	Sói Tây Nguyên	Canis aureus	
28	Công	Pavo muticus imperatir	
29	Gà lôi :		
	- Gà lôi	Lophura diardi diardi	
	- Gà lôi lam mào đen	Lophura imperialis Delacouri	
	- Gà lôi lam mào trắng	Lophura diardi Bonoparte	
30	Gà tiền:		
	- Gà tiền	Polyplectron bicalcaratum	
	- Gà tiền mặt đỏ	Polyplectron germaini	
31	Trĩ sao	Rheinarctia ocellata	
32	Sếu cổ trụi	Grus antigol	
33	Cá sấu nước lợ	Crocodylus porosus	
34	Cá sấu nước ngọt	Crocodylus Siamensis	
35	Hổ mang chúa	Ophiogus hannah	
36	Cá cóc Tam đảo	Paramesotriton deloustali	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09652740

NHÓM II

IIA. Thực vật rừng:

1	2	3	4
1	Cẩm lai	Dalbergia oliverrii Gamble	
	Cẩm lai Bà Rịa	Dalbergia bariaensis	
	Cẩm lai	Dalbergia oliverrii Gamble	
	Cẩm lai Đồng Nai	Dalbergia dongnaiensis	
2	Gà te (Gõ đỏ)	Afzelia xylocarpa	
3	Gụ		
	Gụ mật	Sindora cochinchinensis	Gõ mật
	Gụ lau	Sindora tonkinensis - A. Chev	Gõ lau
4	Giáng hương		
	Giáng hương	Pterocarpus pedatus Pierre	
	Giáng hương Cambốt	Pterocarpus cambodianus Pierre	
	Giáng hương mắt chim	Pterocarpus indicus Willd	
5	Lát		
	Lát hoa	Chukrasia tabularis A. juss	
	Lát da đồng	Chukrasia sp	
	Lát chun	Chukrasia sp	
6	Trắc		
	Trắc	Dalbergia cochinchinensis Pierre	
	Trắc dây	Dalbergia annamensis	
	Trắc cambốt	Dalbergia combodiana Pierre	
7	Pơ mu	Fokienia hodginsii A. Henry et Thomas	
8	Mun		
	Mun	Diospyros mun H. lec	
	Mun sọc	Dyospyros SP	
9	Đinh	Markhamia pierrei	
10	Sến mật	Madhuca pasquieri	
11	Nghiến	Burretiodendron hsienmu	
12	Lim xanh	Erythophloeum fordii	
13	Kim giao	Padocarpus fleuryi	
14	Ba gạc	Rauwolfia verticillata	
15	Ba kích	Morinda officinalis	
16	Bách hợp	Lilium brownii	
17	Sâm ngọc linh	Panax vietnammensis	
18	Sa nhân	Amomum longiligulare	
19	Thảo quả	Amomum tsaoko	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09652740

IIB. Động vật rừng

1	2	3	4
1	Khỉ:		
	- Khỉ cộc	Macaca Arctoides	
	- Khỉ vàng	Macaca Mulatta	
	- Khỉ mốc	Macaca assamensis	
	- Khỉ đuôi lợn	Macaca nemestrina	
2	Sơn dương	Capricornis sumatraensis	
3	Mèo rừng	Felis bengalensis	
		Felis marniorata	
		Felis temminskii	
4	Rái cá	Lutra lutra	
5	Gấu ngựa	Selenarctos thibethanus	
6	Sói đỏ	Cuon alpinus	
7	Sóc đen	Ratufa bicolor	
8	Phượng hoàng đất	Buceros bicornis	
9	Rùa núi vàng	Indotestudo elongata	
10	Giải	pelochelys bibroni	

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 19- HĐBT ngày 17- 1- 1992 quy định chi tiết về giảm thuế, miễn nông nghiệp.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh về thuế nông nghiệp ngày 25-2-1983 và Pháp lệnh sửa đổi bổ sung pháp lệnh thuế nông nghiệp ngày 30-1-1989 của Hội đồng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Việc xét và quyết định giảm thuế, miễn thuế trong trường hợp bị thiên tai, địch họa, mùa màng bị thiệt hại nặng phải căn cứ vào sản lượng thu hoạch thực tế so với mức sản lượng tính thuế trên toàn bộ diện tích đất chịu thuế của tổ chức, cá nhân nộp thuế.

Việc quyết định giảm thuế cho hộ xã viên, tập đoàn viên nhận khoán hoặc hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp căn cứ vào tỷ lệ thiệt hại theo tỷ lệ đã quy định tại điểm a, điều 8, Nghị định 52-HĐBT ngày 27-5-1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

Đối với trường hợp đất cây trồng lâu năm, đất trồng cây công nghiệp ngắn ngày được phân hạng đất tính thuế như đất trồng cây hàng năm thì việc xét giảm, miễn thuế được áp dụng theo quy định này.

Điều 2.- Thời hạn được miễn thuế nông nghiệp đối với đất mới khai hoang và đất phục hóa được tính từ vụ thu hoạch đầu tiên.

1. Thời hạn được miễn thuế nông nghiệp đối với đất mới khai hoang như sau:

a) Đối với đất trồng cây hàng năm: 3 năm. Riêng đối với đất khai hoang ở miền núi, đầm lầy, ven biển: 5 năm.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0965274